TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tòng Quân;
2. Ông Nguyễn Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hải Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2026; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1982; địa chỉ: Tổ B, thôn N, phường M, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm: 1982; địa chỉ: Tổ D, khu phố T, phường B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03-3-2026, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh D kết hôn vào ngày 18-02-2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T (nay là phường B), tỉnh Tây Ninh; quá

trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại thôn N, phường M, tỉnh Ninh Bình sống từ năm 2010 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh D.

Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Thiện T, sinh ngày 01-9-2010 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh D đã được Tòa án tống đạt đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định nhưng vẫn không trình bày ý kiến và không đến Tòa án nên không ghi được ý kiến trình bày. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm; người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N và anh Nguyễn Thanh D.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thiện T, sinh ngày 01/9/2010 cho chị Lê Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; anh D không phải cấp dưỡng do chị N không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị N có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh D vắng mặt; Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo chị Lê Thị N khai chị và anh Nguyễn Thanh D kết hôn vào ngày 18-02-2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T (nay là phường B), tỉnh Tây Ninh; quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống tại thôn N, phường M, tỉnh Ninh Bình từ năm 2010 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh D.

[2.1] Xét thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến, thể hiện cho thấy anh D không có biểu hiện, động thái tích cực nào để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, thuyết phục chị N hàn gắn đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng lại với nhau; chị N cho rằng chị và anh D đã không còn tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến nhau, không thể chung sống với nhau được nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời mẹ ruột của anh D bà Nguyễn Thị Túy S sống chung nhà với anh D có bản trình bày: Chị N có sống tại nhà bà được 02 tháng, sau đó chị N có thai và trở về Hà Nội sinh sống đến nay; từ đó đến nay chị N không trở về, giữa chị N và gia đình bà rất ít liên lạc với nhau. Gia đình bà có nhận được giấy triệu tập của Tòa án gửi cho con trai bà về việc ly hôn với chị N. Bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho con trai bà và chị N theo quy định của pháp luật. Do đó có cơ sở căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Nguyễn Thanh D.

[2] Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Thiện T, sinh ngày 01-9-2010 hiện đang sống với chị N, chị N yêu cầu được nuôi không yêu cầu anh D cấp dưỡng; cũng như tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Nguyễn Thiện T trình bày có nguyện vọng tiếp tục ở với mẹ. Xét thấy căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho chị N nuôi anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị N khai là không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị N khai là không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004692 ngày 11-3-2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Nguyễn Thanh D; chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh D.

2. Về con chung: Giao cho chị N nuôi cháu Nguyễn Thiện T, sinh ngày 01-9-2010; anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004692 ngày 11-3-2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và

Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- PGĐKT TA tỉnh TN;
- VKSND KV 10-TN;
- THADS KV 10-TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Mã hồ sơ: 03.D01.149.10.105824

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Phan Tuyến

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**